

Nội hàm quản lý các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên qua tổng quan nghiên cứu

Nguyễn Thanh Tâm

Email: tamnt@vnies.edu.vn
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên ra đời và bắt đầu phát triển mạnh mẽ vào cuối những năm 1950. Từ đó đến nay, số lượng các chương trình hỗ trợ tài chính không ngừng tăng lên, còn chất lượng các chương trình hỗ trợ tài chính cũng không ngừng được nâng cao. Tại Việt Nam, các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên do Nhà nước quản lý hoặc cấp ngân sách (Chương trình hỗ trợ tài chính công lập) đã và đang thể hiện ngày càng rõ vai trò quan trọng trong việc mở rộng phạm vi và đảm bảo công bằng trong tiếp cận của giáo dục đại học. Trong bối cảnh giáo dục đại học ở Việt Nam đã và đang thực hiện tự chủ mạnh mẽ, bao gồm tự chủ tài chính, việc nghiên cứu về các giải pháp hỗ trợ tài chính cho sinh viên lại càng trở nên thiết thực và phù hợp. Nghiên cứu này tập trung làm rõ nội hàm “Chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên” và “Quản lý các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên” thông qua tổng quan nghiên cứu trong và ngoài nước nhằm trả lời cho câu hỏi: Bản chất của chương trình hỗ trợ tài chính (công lập) cho sinh viên là gì? Quản lý các chương trình hỗ trợ tài chính (công lập) cho sinh viên gồm cụ thể các hoạt động quản lý với các đối tượng quản lý là gì? Kết quả nghiên cứu là cơ sở để xây dựng khung lý luận về Quản lý các chương trình hỗ trợ tài chính (công lập) cho sinh viên tại Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

TỪ KHÓA: Chương trình hỗ trợ tài chính, quản lý chương trình hỗ trợ tài chính, sinh viên, công lập, giáo dục đại học, Việt Nam.

→ Nhận bài 04/9/2023 → Nhận bài đã chỉnh sửa 05/12/2023 → Duyệt đăng 15/02/2024.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410204>

1. Đặt vấn đề

Các nội hàm “Chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên” và “Quản lý chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên” vẫn chưa thực sự phổ biến tại Việt Nam. Tại nước ta, chương trình hỗ trợ tài chính công lập cho sinh viên được biết đến dưới những loại hình đơn lẻ như: học bổng, trợ cấp, tín dụng sinh viên. Tương ứng với đó, quản lý các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên được biết đến là quản lý các loại hình đơn lẻ. Ngoài ra, nghiên cứu về chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên tại Việt Nam dưới góc độ quản lý giáo dục vẫn tồn tại nhiều khoảng trống khi các nghiên cứu về chương trình phần lớn tiếp cận theo góc độ kinh tế, tín dụng. Với thực tiễn nghiên cứu như vậy, rất cần có những nghiên cứu cơ bản về chủ đề này như việc làm rõ nội hàm (khái niệm, bản chất) của quản lý chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên, giúp làm cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về vấn đề. Nghiên cứu này vận dụng phương pháp tổng quan tư liệu để đưa ra nhận định có cơ sở khoa học về nội dung và bản chất của các chương trình hỗ trợ tài chính công lập cho sinh viên và của công tác quản lý các chương trình hỗ trợ tài chính công lập cho sinh viên tại Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nội hàm “Chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên” thông qua tổng quan nghiên cứu

2.1.1. Tổng quan nghiên cứu về khái niệm, phân loại các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên

Các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên được trình bày bằng nhiều thuật ngữ như: Student Financial Aid Programs (Ronald, 1993; Bouchard St-Amant, 2020), Financial Assistance Programs for Students, Student Financial Assistance Scheme, Tertiary Student Finance Schemes, Financial Assistance System for Tertiary Education (Marcucci và Usher, 2011) [1], [2], [3].

Trên thế giới, Ronald (1993) đã đưa ra khái niệm chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên là một công cụ quản lý tài chính trong giáo dục. Tác giả chỉ ra hai cách phân loại: phân loại theo loại hình hỗ trợ/nội dung chương trình và phân loại theo nguồn vốn của các chương trình [1].

Tổ chức Hỗ trợ Sinh viên Liên bang (Federal Student Aid - FSA) trực thuộc Bộ Giáo dục Hoa Kỳ đưa ra định nghĩa: Hỗ trợ tài chính cho sinh viên (Financial aid) là các khoản tiền nhằm giúp sinh viên việc chi trả các chi phí cho việc học tập tại trường đại học [4].

Coonrod (2008) qua tổng quan nghiên cứu rút ra:

Các nghiên cứu đều cho thấy rằng, phần lớn các hỗ trợ tài chính trong các trường đại học trên thế giới thường được triển khai dưới ba loại hình chính là Tín dụng sinh viên, Học bổng và Cơ hội việc làm; được lấy từ rất nhiều nguồn kinh phí khác nhau như: nguồn từ Nhà nước, từ tư nhân, từ các tổ chức, các doanh nghiệp tư nhân và các cá nhân, tổ chức đóng góp khác [5].

Baum và Payea (2003) cung cấp thông tin thống kê về kết quả thực hiện các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên tại Hoa Kỳ, bao gồm các loại hình chủ yếu như: trợ cấp, tín dụng và hỗ trợ vừa học vừa làm, cả chương trình của Nhà nước, của bang và của từng nhà trường, trong khoảng thời gian khá dài, từ năm 1983 đến 2003 nhằm thấy được sự phát triển của các chương trình tại quốc gia này [6].

Marcucci và Usher (2011) đã dựa trên nghiên cứu điển hình các hình thức hỗ trợ tài chính cho sinh viên của 40 quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam đưa ra kết luận: Chính phủ các nước cung cấp các cơ chế hỗ trợ tài chính cho sinh viên theo ba dạng: Trợ cấp, Tín dụng sinh viên, Các hình thức hỗ trợ gián tiếp như trợ cấp cho phụ huynh, trợ cấp thông qua thuế thu nhập [3].

Fuller (2014) đã nghiên cứu đánh giá lịch sử của các chương trình hỗ trợ sinh viên đại học tại Hoa Kỳ, từ thời điểm những chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên đầu tiên tại Hoa Kỳ được thành lập. Tác giả cho rằng, bản chất của hỗ trợ tài chính đã dịch chuyển từ nỗ lực hỗ trợ nhỏ lẻ phạm vi địa phương sang hỗ trợ một cách hệ thống có phạm vi liên bang và cuối cùng tiến tới là hệ thống tập trung hướng đến mục tiêu có tính chính trị [7].

Bouchard St-Amant (2020) đã đưa ra bức tranh tổng quan nghiên cứu về chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên. Trong đó, tác giả đã phân chia các chương trình hỗ trợ tài chính sinh viên thành ba loại hình chính, đó là: Tín dụng sinh viên; Trợ cấp, Các chính sách hỗ trợ về học phí như miễn, giảm học phí [2].

Tại Việt Nam, Đặng Thị Minh Hiền (2013) đưa ra quan điểm các loại hình chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên như: Trợ cấp, Học bổng, Vừa học vừa làm, Tín dụng sinh viên - đóng vai trò là các hình thức hỗ trợ khi thực hiện chia sẻ chi phí trong giáo dục giữa các bên tham gia và có cơ sở khoa học thuộc lĩnh vực kinh tế học [8].

Tác giả Trịnh Hồng Hà (2007) khẳng định một số loại hình chương trình hỗ trợ tài chính là các giải pháp để thực hiện và đảm bảo tài chính cho giáo dục đại học, thông qua một chuỗi các nghiên cứu khai thác nội dung kinh nghiệm quốc tế về tài chính cho giáo dục, trong đó minh họa bằng một số loại hình chương trình hỗ trợ tài chính tại một số quốc gia như Trung Quốc và Hàn Quốc [9].

2.1.2. Khái niệm và phân loại các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên từ tổng quan nghiên cứu

a. Khái niệm và bản chất các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên

Khái niệm: Chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên là bản kế hoạch nhằm hiện thực hóa các chính sách về hỗ trợ cho sinh viên, trong đó sinh viên sẽ nhận được hỗ trợ tài chính dưới nhiều hình thức: Hỗ trợ không hoàn lại hoặc có hoàn lại, hỗ trợ bằng tiền hoặc ưu đãi, hoặc hỗ trợ thông qua tạo việc làm để có thêm thu nhập; hỗ trợ trực tiếp cho sinh viên hoặc gián tiếp cho đối tượng có liên quan đến sinh viên để trang trải các chi phí trong quá trình học tập cho đến khi hoàn thành chương trình học.

Bản chất: Theo tiếp cận từ phía “Cầu” của giáo dục, tức là phía người học, các chương trình hỗ trợ tài chính là một “kênh” hỗ trợ tài chính cho họ để trang trải các chi phí học tập của cá nhân ở bậc đại học. Theo tiếp cận từ phía “Cung” của giáo dục, tức là phía các cơ quan quản lý giáo dục và nhà trường, đây là một “kênh” giúp huy động tài chính, đảm bảo tài chính và đồng thời đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục đại học cho sinh viên.

b. Các loại hình chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên

Dựa trên kết quả tổng quan nghiên cứu, tác giả tổng hợp các loại hình hỗ trợ tài chính ở Bảng 1:

Bảng 1: Hệ thống các loại hình chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên

STT	Loại hình chính	Loại hình thành phần
1	Hỗ trợ không hoàn lại (Gift aid)	Trợ cấp (Grant)
		Học bổng (Scholarship)
		Miễn, giảm học phí
2	Hỗ trợ có hoàn lại - Tín dụng sinh viên (Student Loan)	Chương trình cho vay trả theo thế chấp (Mortgage Loan)
		Chương trình cho vay trả theo thu nhập (Income-Contegent Loan)
3	Hỗ trợ việc làm (Employment aid)	
4	Hỗ trợ tài chính gián tiếp (Indirect assistance)	

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

2.2. Nội hàm “Quản lý các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên” qua tổng quan nghiên cứu

2.2.1. Tổng quan nghiên cứu về “Quản lý các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên”

Theo Phan Văn Kha (2007), khoa học quản lý giáo dục có nhiều cách tiếp cận. Một trong các cách tiếp cận đó là tiếp cận theo đối tượng quản lý tức là trả lời câu hỏi: Các chức năng quản lý được thực hiện với những đối tượng cụ thể nào? Với cùng một vấn đề quản lý giáo

dục cụ thể, nhà nghiên cứu có thể vận dụng hướng tiếp cận này để xây dựng chi tiết nội dung lý luận về các vấn đề cụ thể của quản lý giáo dục [10].

a. Những nghiên cứu về quản lý hệ thống tổ chức của các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên

Tại Hoa Kỳ, trong khuôn khổ hội nghị NASSGAP Spring Conference 2006, một chùm nghiên cứu thuộc chủ đề “*Centralized vs Decentralized Need-based Programs*” về mức độ phân cấp quản lý các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên có sự tham gia của Nhà nước đã được công bố. Chùm nghiên cứu bao gồm 3 nghiên cứu nhỏ, phân tích mức độ phân cấp quản lý các chương trình hỗ trợ tài chính có sự tham gia của Nhà nước ở 3 bang của Hoa Kỳ là: Rhode Island, Florida, Minnesota và rút ra một số kết luận cùng khuyến nghị: Nghiên cứu trường hợp tại 3 bang đều cho thấy mỗi mức độ phân quyền đều có những ưu điểm và nhược điểm riêng. Vai trò của nhà quản lý là đưa ra chính sách hợp lý để phát huy được những ưu điểm của 2 mức độ: Tập trung quản lý (Phân quyền ít) và Phân quyền sâu đó [11].

Tại Đan Mạch, Clausen (2020) nghiên cứu nhằm trả lời câu hỏi: Khi chuyển từ phân quyền quản lý sang tập trung quản lý với các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên sẽ có thuận lợi cũng như nhược điểm gì. Hệ thống quản lý chương trình hỗ trợ tài chính sinh viên ở Đan Mạch chuyển từ phân quyền cao (năm 1950) đến tập trung quyền lực (năm 1970-1979) và lại thay đổi trở lại theo hướng phân quyền cao (năm 1995) [12].

Hai tác giả Albercht và Ziderman (1992) trong nghiên cứu được World Bank tài trợ đã rút ra trong nhiều trường hợp. Việc thay thế cơ chế cấp tín dụng cho sinh viên bằng trợ cấp trực tiếp lại tốn ít chi phí của Nhà nước và xã hội hơn, gợi mở các giải pháp về lập kế hoạch và xây dựng chính sách cho chương trình. Chủ thể quản lý trong nghiên cứu cũng được xác định là các cơ quan quản lý tín dụng và cơ quan quản lý giáo dục [13].

Tại Việt Nam, Phạm Tùng Lâm (2013) nghiên cứu về giải pháp để phát triển công tác quản lý thực hiện dịch vụ hỗ trợ sinh viên ở trường đại học công lập trên địa bàn Thành phố Hà Nội, trong đó bao gồm dịch vụ hỗ trợ tài chính [14].

Salmi (2003) nghiên cứu về quản lý chương trình Tín dụng sinh viên tại nhiều quốc gia bằng việc nghiên cứu các đối tượng thành phần của công tác quản lý, trong đó bao gồm Cơ cấu tổ chức (Organizational structure), chỉ đến các đối tượng là: các chủ thể quản lý, sự phân công nhiệm vụ và phân cấp quản lý [15].

Tại Hoa Kỳ, Dynarski (2014) nghiên cứu tập trung vào ba chủ đề thu hút nhiều ý kiến thảo luận trong việc xây dựng và thực thi chính sách về Tín dụng sinh viên, đó là: có khủng hoảng nợ từ các khoản vay của sinh viên không, chi phí và lợi ích của trợ cấp lãi suất là bao nhiêu; tính ổn định của một hệ thống trả vay dựa

trên thu nhập tại Mỹ. [16]. Tác giả Robert Fomer nhận định việc lên kế hoạch về sứ mệnh của chương trình, kế hoạch thực hiện chương trình tổ chức bộ máy nhân sự quản lý chương trình – những yếu tố thuộc về cơ cấu tổ chức chương trình là 2 trong số 5 đối tượng quản lý chương trình Tín dụng sinh viên mà tác giả nhấn mạnh cần tập trung và tăng cường thực hiện [17].

Ziderman (2006) tiến hành nghiên cứu về các đối tượng khác nhau của công tác quản lý chương trình Tín dụng sinh viên công lập. Thông qua nghiên cứu trường hợp về chính sách quy định các chương trình Tín dụng sinh viên tại 05 quốc gia và vùng lãnh thổ tại Châu Á, nghiên cứu đã chỉ ra các đối tượng của công tác quản lý chương trình này, trong đó bao gồm Cơ cấu tổ chức (Organizational framework). Đối tượng này được tác giả phân tích bao gồm nhiều đối tượng thành phần, cụ thể là: Quản lý hệ thống Tín dụng sinh viên một chương trình hay nhiều chương trình; Quản lý hệ thống tập trung hay phân quyền [18]. Tại Thái Lan, Talasophon (2011) đã nghiên cứu và đánh giá về hệ thống cơ cấu tổ chức quản lý tại Thái Lan và kết luận: Hệ thống quản lý Tín dụng sinh viên tại Thái Lan có sự tham gia của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Hệ thống ngân hàng, trong đó vai trò của ngành Giáo dục là tương đối quan trọng. Tuy nhiên, hệ thống tại Thái Lan vẫn tồn tại nhiều khoảng trống đòi hỏi phải tăng cường phối hợp quản lý giữa các bên liên quan, cập nhật hệ thống giám sát và đánh giá [19].

Tại Việt Nam, một số tác giả cũng tập trung nghiên cứu về hệ thống cơ cấu tổ chức của chương trình Tín dụng sinh viên, hướng đến nhiều chủ thể trong hệ thống quản lý. Cụ thể, Nguyễn Thị Minh Hương (2008) nghiên cứu về các đối tượng quản lý bao gồm xây dựng chính sách, cơ chế phối hợp giữa các bên quản lý. Nghiên cứu đã phân tích chính sách tín dụng đối với sinh viên, từ đó đưa ra ý kiến với Chính phủ, Bộ Tài chính, Ngân hàng [20]. Cũng hướng đến nhiều chủ thể quản lý và các đối tượng quản lý bao gồm: xây dựng chính sách, cơ chế phối hợp giữa các chủ thể quản lý, Nguyễn Mai Hương (2019) đã nghiên cứu đề “*Hoàn thiện chính sách tín dụng đối với sinh viên Việt Nam thông qua nghiên cứu trường hợp tại Đại học Quốc gia Hà Nội*”. Tác giả đã đánh giá thực trạng chính sách Tín dụng sinh viên qua ba tiêu chí: tính hiệu lực, tính hiệu quả và tính bền vững. Sau đó, tác giả tập trung đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách Tín dụng sinh viên theo hướng thương mại hóa và đưa ra một số kiến nghị với Chính phủ, các Bộ, các cơ sở đào tạo để thực hiện hiệu quả nhất các giải pháp đề ra [21].

So với loại hình hỗ trợ có hoàn lại, loại hình hỗ trợ không hoàn lại mới chỉ được nghiên cứu ở mức độ hạn chế. Dynarski & Clayton (2013) nghiên cứu giải pháp khắc phục những vấn đề và lỗ hổng trong quản lý chính sách miễn giảm và trợ cấp tài chính tại Hoa Kỳ nhằm cải thiện khả năng tiếp cận và hoàn thành chương trình

giáo dục đại học. Những đối tượng quản lý cần tập trung nhằm khắc phục tình trạng các chương trình không đạt được kết quả cao như kì vọng bao gồm: Việc hoạch định chính sách về cơ cấu tổ chức, Phân cấp quản lý chương trình, Loại hình hỗ trợ tài chính [22]. Tại Việt Nam, Phạm Thị Thùy Dương (2018) chọn hướng nghiên cứu về quản lý và giải pháp hỗ trợ cho sinh viên về mặt học phí, thông qua các chính sách miễn và giảm học phí trong bối cảnh tự chủ đại học. Nghiên cứu tiến hành tìm hiểu cơ sở lý luận và thực trạng chính sách học phí tại các trường đại học công lập tại Việt Nam; từ đó đề xuất định hướng và giải pháp hoàn thiện, đổi mới chính sách học phí và hỗ trợ học phí tại các trường đại học công lập [23].

b. Nghiên cứu về quản lý quỹ tài chính của chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên

Trong các loại hình hỗ trợ tài chính sinh viên, loại hình Tín dụng sinh viên là loại hình có sự linh hoạt cao nhất về nguồn quỹ. Bởi thế, các nghiên cứu về quản lý quỹ tập trung phần lớn vào loại hình này. Công tác quản lý quỹ gồm có xây dựng quỹ ban đầu, sử dụng quỹ và thu hồi, duy trì tính ổn định của quỹ.

Ziderman (2006) tiến hành nghiên cứu về các đối tượng khác nhau của công tác quản lý chương trình Tín dụng sinh viên công lập tại 5 quốc gia và vùng lãnh thổ tại Châu Á. Nghiên cứu đã chỉ ra các đối tượng của công tác quản lý chương trình này, trong đó bao gồm: quỹ cho chương trình Tín dụng sinh viên (Funding), được phân tích cụ thể là các công việc huy động vốn, thu tiền trả vay (Loan repayment collection), khả năng đứng vững về tài chính (Financial viability) [18].

Salmi (2015) nghiên cứu về quản lý chương trình Tín dụng sinh viên bằng việc nghiên cứu các đối tượng thành phần của công tác quản lý, trong đó bao gồm quỹ cho chương trình Tín dụng sinh viên (Funding). Nghiên cứu về quản lý quỹ cho chương trình Tín dụng sinh viên, tác giả phân tích các vấn đề cụ thể: Các nguồn huy động vốn cho chương trình (Funding source); Khả năng đứng vững về tài chính (Financial viability); Việc thu hồi nợ như thế nào để đạt hiệu quả (Repayment) [15].

Tác giả Robert Fomer nhận định việc xây dựng quỹ tiền cung cấp cho chương trình Tín dụng sinh viên và việc duy trì tính ổn định tài chính cho chương trình thông qua kiểm tra, đánh giá, sửa chữa và giám sát nghĩa vụ của các bên quản lý và đối tượng nhận hỗ trợ thuộc phạm trù quản lý quỹ tài chính là hai trong số năm đối tượng quản lý cần tập trung và tăng cường thực hiện nhất khi quản lý chương trình tín dụng cho sinh viên [17].

Sadiq (2015) nhấn mạnh tầm quan trọng của yếu tố lãi suất cho vay phù hợp nhằm phát huy tính hiệu quả của chương trình Tín dụng sinh viên trong việc tăng khả năng tiếp cận giáo dục đại học nhằm đạt được ý nghĩa xã hội của chương trình [24].

Hai tác giả Albrecht và Ziderman (1992) trong nghiên cứu được World Bank tài trợ đã có những phát hiện mới trong việc quản lý quỹ tài chính của chương trình Tín dụng sinh viên như mức lãi suất được Nhà nước hỗ trợ một cách đáng kể, tỉ lệ nợ xấu cao và chi phí quản lý tồn kém là những nguyên nhân khiến cho tỉ lệ hoàn trả vốn không cao. Đây là gợi ý để đưa ra giải pháp trong tổ chức thực hiện [13].

Shen và Ziderman (2009) cũng thực hiện nghiên cứu về nội dung quản lý thu hồi nợ của các chương trình Tín dụng sinh viên. Tác giả đã nghiên cứu 44 chương trình cho sinh viên vay từ 39 nước. Kết quả cho thấy, các chương trình này chủ yếu được hỗ trợ của nhà nước, tỉ lệ phải trả từ sinh viên chỉ khoảng 40% nhưng tỉ lệ thu hồi vốn còn thấp hơn cả con số này [25].

Tương tự, Leunig và Wyness (2011) cũng nghiên cứu về nội dung thu nợ trả vay, cụ thể nghiên cứu đặt ra câu hỏi trả nợ vay sớm của sinh viên: Chính phủ có nên thực hiện sớm những chế tài về kinh tế để tránh tình trạng sinh viên trốn trả lãi cao bằng cách trả tiền vay sớm và với số lượng lớn. Tuy nhiên, tác giả bài báo cho rằng, biện pháp này là không thích hợp vì những người trả tiền vay sớm thường lại là những sinh viên nghèo và trả một lượng nhỏ từng đợt. Nguyên nhân chủ yếu ở đây là sợ bị nợ chứ không phải do có thừa tiền [26].

Talasophon (2011) đã phân tích và đánh giá trong suốt thời gian hình thành và phát triển, hệ thống quản lý Tín dụng sinh viên Thái Lan phát sinh thiếu sót về thu hồi vốn chưa triệt để, tình trạng nợ xấu, nợ khó đòi vẫn còn tồn tại. Một số giải pháp đưa ra dựa trên nghiên cứu định tính và định lượng là: Nâng cao hiệu quả của các đại lý cho vay, Tăng cường phối hợp quản lý giữa các bên liên quan, Cập nhật hệ thống giám sát và đánh giá [19].

Nhiều nghiên cứu trong nước lựa chọn chủ thể quản lý là các ngân hàng, cơ quan tín dụng địa phương và nghiên cứu về quản lý hoạt động cho vay – thu hồi nợ đối với sinh viên thuộc Chương trình Tín dụng sinh viên của nhà nước do Ngân hàng chính sách xã hội các khu vực quản lý, từ đó đề xuất các biện pháp nhằm đáp ứng mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng, cho vay của ngân hàng. Có thể kể đến các nghiên cứu của Cẩm Hà Tú (2015), Hồ Tiến Linh (2018), Nguyễn Thanh Tuấn (2015), Nguyễn Quyết Thắng và cộng sự (2017), Trần Thị Minh Trâm (2016). Các nghiên cứu về quản lý hoạt động cho vay tại các chi nhánh ngân hàng tập trung vào các công việc quản lý như: huy động vốn, xác định đối tượng được vay vốn, thực hiện cho vay theo thời hạn, mức vay và lãi suất trong quy định, thu hồi nợ. Trên cơ sở phân tích thực trạng, các nghiên cứu đề ra giải pháp để nâng cao, thúc đẩy Tín dụng sinh viên trên địa bàn đó. Các giải pháp phổ biến được đưa ra bao gồm: Rà soát, điều chỉnh cơ chế, chính sách đối với Ngân hàng chính sách xã hội, cơ quan tín dụng,

Tăng nguồn vốn cho vay của Nhà nước, Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ [27], [28], [29], [30], [31].

c. Nghiên cứu về lựa chọn đối tượng hưởng hỗ trợ và phân bổ khoản hỗ trợ tài chính

Ziderman (2006) tiến hành nghiên cứu về các đối tượng khác nhau của công tác quản lý chương trình Tín dụng sinh viên công lập. Thông qua nghiên cứu trường hợp về chương trình Tín dụng sinh viên tại 05 quốc gia và vùng lãnh thổ tại Châu Á, nghiên cứu đã chỉ ra các đối tượng của công tác quản lý chương trình này, trong đó bao gồm lựa chọn đối tượng vay vốn và phân bổ khoản vay (Borrower selection and loan distribution). Với đối tượng quản lý này, tác giả nhấn mạnh yếu tố Công bằng và tiếp cận đối với đối tượng sinh viên nghèo (Equity and assistance to the poor) [18].

Salmi (2003) nghiên cứu về quản lý chương trình Tín dụng sinh viên bằng việc nghiên cứu các đối tượng thành phần của công tác quản lý, trong đó bao gồm Phân bổ khoản vay tới sinh viên (Distribution of Loan), phân tích tới các công việc xây dựng khung tiêu chí lựa chọn và chú ý tới việc tiếp cận của các đối tượng sinh viên nghèo [15].

Tại Thái Lan, Talasophon (2011) đã nghiên cứu và đánh giá về việc phân bổ khoản vay trong quản lý Tín dụng sinh viên. Trong suốt thời gian hình thành và phát triển, hệ thống quản lý Tín dụng sinh viên Thái Lan phát sinh thiếu sót về phân bổ khoản vay chưa hiệu quả. Một số giải pháp đưa ra dựa trên nghiên cứu định tính và định lượng là: Điều chỉnh mục tiêu chính sách; Thắt chặt quy định phân bổ vay; Nâng cao hiệu quả của các đại lý cho vay [19].

Sadiq (2015) nhấn mạnh tầm quan trọng của thủ tục đăng ký và tham gia vào chương trình Tín dụng sinh viên đảm bảo tính đơn giản nhằm phát huy tính hiệu quả của chương trình trong việc tăng khả năng tiếp cận giáo dục đại học nhằm đạt được ý nghĩa xã hội của chương trình này [24].

Dynarski & Clayton (2013) nghiên cứu giải pháp khắc phục những vấn đề trong lựa chọn đối tượng tham gia nhằm cải thiện khả năng tiếp cận và hoàn thành chương trình giáo dục đại học. Cụ thể là: Việc lựa chọn đối tượng tham gia cần đảm bảo không quá phức tạp mà cần gọn nhẹ, đơn giản, minh bạch; Tiêu chí xét chọn cũng cần hợp lý, cụ thể trợ cấp theo thành tích sẽ có tác động tốt hơn trợ cấp không ràng buộc [22].

d. Nghiên cứu về thông tin, quảng bá, tuyên truyền, tư vấn cho các đối tượng liên quan về chương trình hỗ trợ tài chính

Salmi (2003) nghiên cứu về quản lý chương trình Tín dụng sinh viên bằng việc nghiên cứu các đối tượng thành phần của công tác quản lý, trong đó bao gồm công tác Thông tin quảng bá về chương trình Tín dụng sinh viên (Promotion), thể hiện qua các chỉ số là: Mức độ nhận thức về chương trình và Mức độ hiểu biết về các

điều khoản và nghĩa vụ (awareness of the program and understanding of the terms and obligations) [15].

Chọn đối tượng nghiên cứu về công tác thông tin, tư vấn, tuyên truyền về các chương trình hỗ trợ tài chính, McKinney & Roberts (2012) hướng đến đối tượng đội ngũ tư vấn viên/cố vấn về hỗ trợ tài chính – những cán bộ cung cấp thông tin và tư vấn chủ yếu về các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên và phụ huynh, giúp sinh viên hiểu được làm sao để chi trả cho việc học đại học của mình tại những trường đại học tại Hoa Kỳ. Nghiên cứu rút ra tỉ lệ cố vấn trên sinh viên tại trường đại học là 1 cố vấn trên mỗi 1.000 sinh viên cho thấy những cố vấn này không có thời gian hoặc nguồn lực để đáp ứng nhu cầu của mọi sinh viên cần họ lời khuyên. Các cố vấn cũng xác định những chướng ngại phổ biến mà sinh viên của họ gặp phải trong quá trình tham gia các chương trình hỗ trợ tài chính. Những phát hiện này là cơ sở cho các khuyến nghị nhằm cải thiện chất lượng thông tin, tuyên truyền, cung cấp và thực hiện hỗ trợ tài chính cho sinh viên đại học, tập trung vào việc đầu tư và có chính sách đầu tư cho đội ngũ cán bộ cố vấn [32].

Nghiên cứu về tầm quan trọng của hoạt động thông tin, quảng bá, tuyên truyền, tư vấn về các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên trong hoạt động quản lý chương trình, Clayton (2012) chỉ ra hoạt động quản lý thông tin, tuyên truyền, tư vấn giúp giải quyết một thất bại lớn của thị trường cung cấp dịch vụ giáo dục đại học, là vấn đề thất bại và giới hạn về thông tin, tức là việc truyền tải thông tin đến các đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp của chính sách không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, trong đó nội dung chính là việc thông tin tuyên truyền về các tài chính và các chính sách hỗ trợ tài chính cho sinh viên [33].

Theo Dynarski và Clayton (2006), trên thực tế, việc thực hiện không tốt công tác tuyên truyền, tư vấn, quảng bá cho các chương trình hỗ trợ tài chính mang lại những hệ quả cho hệ thống giáo dục đại học. Công thức viện trợ phức tạp, tiếp thị kém và các thủ tục đăng ký rườm rà có thể gây khó khăn cho sinh viên trong việc xác định tính đủ điều kiện của họ trước khi quyết định đi học đại học. Ở nhiều quốc gia, sinh viên thường không có thông tin cụ thể về hỗ trợ tài chính cho đến khi họ đã nộp đơn xin và được chấp nhận tại một cơ sở giáo dục đại học. Nếu các rào cản thông tin lại đặc biệt khó tiếp cận đối với những người bị thiệt thòi, về cơ bản hiệu quả của chính sách hỗ trợ tài chính có thể bị giảm sút [34].

Nghiên cứu riêng về công tác thông tin, tuyên truyền cho chương trình Tín dụng sinh viên, tác giả Fomer nhận định việc giới thiệu và quảng bá, tuyên truyền về chương trình Tín dụng sinh viên là một trong số năm đối tượng quản lý mà tác giả nhấn mạnh cần tập trung và tăng cường thực hiện các hoạt động quản lý chương trình [17]. Sadiq (2015) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc

thông tin, quảng bá, tuyên truyền, giới thiệu đến các đối tượng có liên quan về chương trình và tạo được niềm tin về chương trình cho các đối tượng thụ hưởng nhằm phát huy tính hiệu quả của chương trình Tín dụng sinh viên trong việc tăng khả năng tiếp cận giáo dục đại học nhằm đạt được ý nghĩa xã hội của chương trình [24].

2.2.2. Nội hàm “Quản lý chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên”

- Thiết lập Hệ thống tổ chức thực hiện chương trình hỗ trợ tài chính sinh viên (Organizational framework, Organizational Structure) bao gồm xây dựng chính sách, xây dựng cơ chế phối hợp giữa nhà trường, cơ quan quản lý giáo dục và gia đình, các tổ chức tín dụng và các cơ quan thuộc bộ ngành khác trong tổ chức thực hiện chương trình.

- Quản lý quỹ hỗ trợ tài chính cho sinh viên, bao gồm các đối tượng quản lý cụ thể như: 1/ Quản lý về nguồn vốn cho chương trình hỗ trợ tài chính sinh viên (Funding). 2/ Thu hồi và giữ tính ổn định về tài chính (Repayment/Collection).

- Lựa chọn đối tượng tham gia/thụ hưởng và phân bổ các hỗ trợ tài chính (Beneficial selection and assistance distribution).

- Thông tin, quảng bá, tuyên truyền, tư vấn cho các đối tượng liên quan về chương trình hỗ trợ tài chính.

3. Kết luận

Nghiên cứu đã tổng quan tư liệu trong và ngoài nước để làm rõ nội dung đầy đủ về chương trình và quản lý chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên. Từ tổng quan nghiên cứu, tác giả đã rút ra một số kết luận về khái niệm, bản chất, phân loại của các chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên và các đối tượng quản lý đối với các chương trình này. Kết quả nghiên cứu giúp xây dựng cách nhìn nhận đúng đắn, đầy đủ và phù hợp với xu hướng quốc tế đối với một khái niệm mới và chưa phổ biến tại Việt Nam, từ đó làm cơ sở tiếp tục nghiên cứu những vấn đề chuyên sâu khác về chương trình hỗ trợ tài chính cho sinh viên, phục vụ cho công tác quản lý giáo dục khi thực hiện tự chủ đại học.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ronald S. F. (01/02/1993), *Quality in Student Financial Aid Programs: A New Approach*, National Research Council, Division of Behavioral and Social Sciences and Education, Commission on Behavioral and Social Sciences and Education, Panel on Quality Improvement in Student Financial Aid Programs. National Academies Press.
- [2] Bouchard St-Amant P.A, (2020), *A literature review on financial student aid*, Report prepared for: Statutory and Grants & Contributions Evaluation. Employment and Social Development Canada (ESDC), Truy cập ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại <https://espace.ensp.ca/id/eprint/272/1/2019-12-15-litt-review-student-aid-V007.pdf>.
- [3] Marcucci P. & Usher A, (2011), *Tuition Fees and Student Financial Assistance: 2010 Global Year in Review*, Toronto: Higher Education Strategy Associates.
- [4] Tổ chức Hỗ trợ Sinh viên Liên bang (Federal Student Aid - FSA) trực thuộc Bộ Giáo dục Hoa Kỳ <https://studentaid.gov/>
- [5] Coonrod, L., (2008), *The effects of financial aid amounts on academic performance*. The Park Place- economist. Volumn 16. Issue 1. Article 10, pp.24-35.
- [6] Baum S. & Payea K, (2003), *Trends in Student Aid*, ResearchGate.
- [7] Fuller M. B, (2014), *A History of Financial Aid to Students*, Journal of Student Financial Aid, Vol. 44: Iss. 1, Article 4, <http://publications.nasfaa.org/jsfa/vol44/iss1/4>.
- [8] Đặng Thị Minh Hiền, (2013), *Những đặc điểm và hướng nghiên cứu cơ bản của kinh tế học giáo dục*, Báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Mã số: B2010-37-84.
- [9] Trịnh Hồng Hà, (12/2007), *Tài chính giáo dục đại học Hàn Quốc*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 27, tr.58-60.
- [10] Phan Văn Kha, (2007), *Giáo trình Quản lý nhà nước về giáo dục (Giáo trình dùng đào tạo cao học về Quản lý Giáo dục)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [11] NASSGAP Spring Conference, (2006), *Centralized vs Decentralized Need-based Programs - A view from: Rhode Island, Florida, Minnesota*, Rhode Island Higher Education Assistance Authority, Florida Department of Education Office of Student Financial Assistance, Minnesota Financial Aid Division.
- [12] Clausen, T, (2020), *From decentralized means-testing to the centralized management of stipends and loans*, The administration of student financial aid in Denmark 1950–2000, Journal of Educational Administration and History, ISSN: 0022-0620 (Print) 1478-7431 (Online) Journal homepage: <https://www.tandfonline.com/loi/cjeh20> Link: <https://doi.org/10.1080/00220620.2020.1719392>
- [13] Albrecht and Ziderman, (1992), *Deferred Cost Recovery for Higher Education*, World Bank Review.
- [14] Phạm Tùng Lâm, (2013), *Phát triển dịch vụ hỗ trợ sinh viên ở trường đại học công lập trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận văn chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Thương mại, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
- [15] Salmi, J., (2003), *Student Loans in an International Perspective: The World Bank Experience*. The World Bank.
- [16] Dynarski, S. M., (2014), *An Economist's Perspective on Student Loans in the United States*, ES Working Paper Series, the 2014 East-West Center/Korean Development Institute Conference on a New Direction in Human Capital Policy, Economics Studies at Brookings.
- [17] Fomer, R. *Structuring for Success: Planning for an Effective Student Loan Scheme*.
- [18] Ziderman, A., (2006), *Policy options for student loan schemes: lessons from five Asian case studies*. United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization, UNESCO Bangkok.

- [19] Talasophon, S, (2011), *The analysis and evaluation of Thai Student Loans Scheme implementation and the deferred debts*, A Dissertation Submitted in Partial Fulfillment of the Requirements for the Degree of Doctor of Philosophy (Development of Administration) School of Public Administration National Institute of Development Administration.
- [20] Nguyễn Thị Minh Hương, (2008), *Đầu tư cho giáo dục và đào tạo thông qua chính sách tín dụng đối với sinh viên*, Ngân hàng, số 1, tr.60 – 63.
- [21] Nguyễn Mai Hương, (2019), *Hoàn thiện chính sách tín dụng đối với sinh viên Việt Nam - Nghiên cứu trường hợp các trường đại học thành viên tại Đại học Quốc gia Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ Tài chính ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [22] Dynarski, S. M., & Clayton, J, (2013), *Financial Aid Policy: Lessons from Research*, Future of Children. 23. 10.2307/23409489.
- [23] Phạm Thị Thùy Dương, (2018), *Đổi mới chính sách học phí và hỗ trợ người học tại các trường đại học công lập*, Luận văn thạc sĩ Tài chính ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [24] Sadiq, A, (2015), *The effect of the students loan scheme on access to higher education in Ghana: A case of Kwame Nkrumah University of Science and Technology, Kumasi – A Case Study of Kwame Nkrumah University of Science and Technology*, Luận văn thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Kwame Nkrumah.
- [25] Shen, H. & Ziderman, A, (2009), *Student Loans Repayment and Recovery: International Comparisons*, IZA Discussion Paper No. 3588, The Institute for the Study of Labor IZA.
- [26] Leunig, T., and Wyness G, (2011), *Early repayment of student loans: should government impose early repayment penalties?*, Centre Forum.
- [27] Cẩm Hà Tú, (2015), *Nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay đối với học sinh sinh viên tại chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Phú Thọ*, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Chuyên ngành: Quản lý kinh tế, Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – Đại học Thái Nguyên.
- [28] Hồ Tiên Linh, (2018), *Nâng cao chất lượng cho vay thuộc chương trình tín dụng học sinh sinh viên tại chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Quảng Trị*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế.
- [29] Nguyễn Thanh Tuấn, (2015), *Tín dụng đối với học sinh, sinh viên của ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Nghệ An*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý kinh tế, Chương trình Định hướng thực hành, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [30] Nguyễn Quyết Thắng - Nguyễn Thị Hương Giang - Lê Thị Ngọc Loan, (2017), *Giải pháp nâng cao chất lượng tín dụng học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn tại Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Phước Long*, Tạp chí Khoa học công nghệ và Thực phẩm, số 11, tr.123-132.
- [31] Trần Thị Minh Trâm, (2016), *Tín dụng cho học sinh, sinh viên của thành phố Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- [32] McKinney, L. & Roberts, T, (2012), *The Role of Community College Financial Aid Counselors in Helping Students Understand and Utilize Financial Aid*, Community College Journal of Research and Practice. 36, p.761-774. 10.1080/10668926.2011.585112.
- [33] Clayton, J. S, (2012), *Information Constraints and Financial Aid Policy*, Working Paper 17811, <http://www.nber.org/papers/w17811>, NBER Working Paper Series, National Bureau of Economic Research.
- [34] Dynarski, S. M., & Clayton, J, (2006), *The cost of complexity in federal student aid: Lessons from optimal tax theory and behavioral economics*, National Tax Journal, 59(2), p.319–356.

CLARIFYING THE CONTENT OF ADMINSTRATING THE STUDENT FINANCIAL AID PROGRAMS THROUGH LITERATURE REVIEW

Nguyen Thanh Tam

Email: tamnt@vnies.edu.vn
 The Vietnam National Institute of Educational Sciences
 101 Tran Hung Dao street, Hoan Kiem district,
 Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *Financial aid programs for students were founded and developed strongly in the late 1950s. Since then, the number of student financial aid programs has continuously increased and their quality has also constantly improved. In Vietnam, these programs managed and funded by the State have played an increasingly important role in expanding the scope and ensuring equitable access to higher education. Research on financial support solutions for students becomes even more practical and appropriate in the context of the strong development of university autonomy, including financial autonomy. This study focuses on clarifying the content of “Student financial aid programs” and “Administration of student financial aid programs” through a literature review of domestic and international research to answer the question: What are the (public) student financial aid programs? What are the objects of the (public) student financial aid program administrating activities? The research results are the basis for building a theoretical framework on the administration of (public) financial aid programs for students in Vietnam in the current context.*

KEYWORDS: *Student financial aid programs, administration of student financial aid programs, public, students, higher education, Vietnam.*